

## BÀI 19. LUYỆN TẬP PHẢN ỨNG OXI HÓA KHỬ

Bài 1: Loại phản ứng nào sau đây luôn luôn không là loại phản-ứng oxi – hoá khử ?

- A.** Phản-ứng hoá hợp. **B.** Phản-ứng phân hủy.  
**C.** Phản-ứng thế trong hoá vô cơ. **D.** Phản-ứng trao đổi.

Bài 2: Loại phản. ứng nào sau đây luôn luôn là phản. ứng oxi hoá – khử ?

- A.** Phản/ứng hoá hợp **B.** Phản/ứng phân hủy  
**C.** Phản/ứng thế trong hoá vô cơ **D.** Phản/ứng trao đổi.

Bài 3. Cho phản ứng :  $M_2O_x + HNO_3 \longrightarrow M(NO_3)_3 + \dots$

Khi x có giá trị là bao nhiêu thì phản-ứng trên không thuộc loại phản-ứng oxihoá khử ? Chọn đáp án đúng.

- A.** X = 1 **B.** x = 2 **C.** x = 1 hoặc x = 2 **D.** x = 3

Bài 4. Câu nào đúng, câu nào sai trong các câu sau đây :

**A.** Sự oxihoá một nguyên-tố là lấy bớt electron của nguyên-tố đó, là làm cho số oxi.hoá của nguyên-tố đó tăng lên.

**B.** Chất oxihoá là chất thu electron, là chất chứa nguyên.tố mà số oxi-hoá của nó tăng sau phản/ứng.

**C.** Sự khử một nguyên tố là sự thu thêm electron cho nguyên.tố đó, làm cho số oxi.hoá của nguyên.tố đó giảm xuống.

**D.** Chất khử là chất thu electron, là chất chứa nguyên.tố mà số oxi-hoá của nó giảm sau phản/ứng.

Bài 5 Hóa 10 trang 89: Hãy xác định số oxi-hoá của các nguyên tố :

a) Nitơ trong NO, NO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>O<sub>5</sub>, HNO<sub>3</sub>, HNO<sub>2</sub>, NH<sub>3</sub>, NH<sub>4</sub>Cl.

b) Clo trong HCl, HClO, HClO<sub>2</sub>, HClO<sub>3</sub>, HClO<sub>4</sub>, CaOCl<sub>2</sub>–

c) Mangan trong MnO<sub>2</sub>, KMnO<sub>4</sub>, K<sub>2</sub>MnO<sub>4</sub>; MnSO<sub>4</sub>.

d) Crom trong K<sub>2</sub>Cr<sub>2</sub>O<sub>7</sub>, Cr<sub>2</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3</sub>, Cr<sub>2</sub>O<sub>3</sub>.

e) Lưu huỳnh trong H<sub>2</sub>S, SO<sub>2</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub>, FeS, FeS<sub>2</sub>.

Bài 6 trang 89 Hóa 10: Cho biết đã xảy ra sự oxi hoá và sự khử những chất nào trong những phản ứng thế sau :

a)  $Cu + 2AgNO_3 \longrightarrow Cu(NO_3)_2 + 2Ag$

b)  $Fe + CuSO_4 \rightarrow FeSO_4 + Cu$

c)  $2Na + 2H_2O \rightarrow 2NaOH + H_2$ .

Bài 7: Dựa vào sự thay đổi số oxihoá, tìm chất oxihoá và chất khử trong những phản ứng sau :

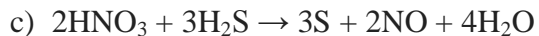
a)  $2H_2 + O_2 \rightarrow 2H_2O$  b)  $2KNO_3 \rightarrow 2KNO_2 + O_2$

c)  $NH_4NO_2 \longrightarrow N_2 + 2H_2O$  d)  $Fe_2O_3 + 2Al \longrightarrow 2Fe + Al_2O_3$ .

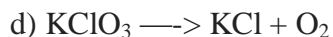
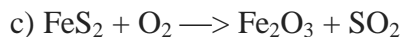
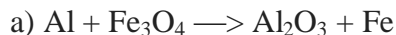
Bài 8: Dựa vào sự thay đổi số oxi hoá, hãy cho biết vai trò các chất tham gia trong các phản ứng oxi hoá khử sau :

a)  $Cl_2 + 2HBr \rightarrow 2HCl + Br_2$

b)  $Cu + 2H_2SO_4 \rightarrow CuSO_4 + SO_2 + 2H_2O$



Bài 9. Cân bằng các phương trình phản/ứng oxihoá – khử sau đây bằng phương pháp thăng bằng electron và cho biết chất khử, chất oxi hoá ở mỗi phản/ứng :



Bài 10 : Hòa tan 1,39g muối  $\text{FeSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$  trong dung dịch  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng. Cho dung dịch này tác dụng với dung dịch  $\text{KMnO}_4$  0,1 M. Tính thể tích dung dịch  $\text{KMnO}_4$ , tham gia phản ứng.

Bài 11: Cho những chất sau :  $\text{CuO}$ , dung dịch  $\text{HCl}$ ,  $\text{H}_2$ ,  $\text{MnO}_2$ .

a) Chọn từng cặp trong những chất đã cho để xảy ra phản/ứng oxi hoá – khử và viết phương trình phản/ứng.

b) Cho biết chất oxi-hoá, chất khử, sự oxi-hoá và sự khử trong những phản/ứng hoá học nói trên